Hạch toán Thu nhập Quốc dân

2013

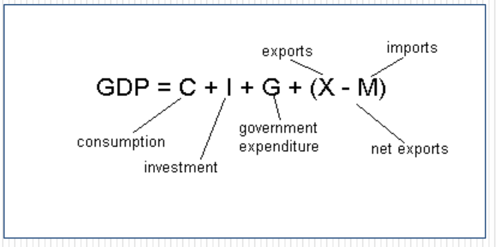

1

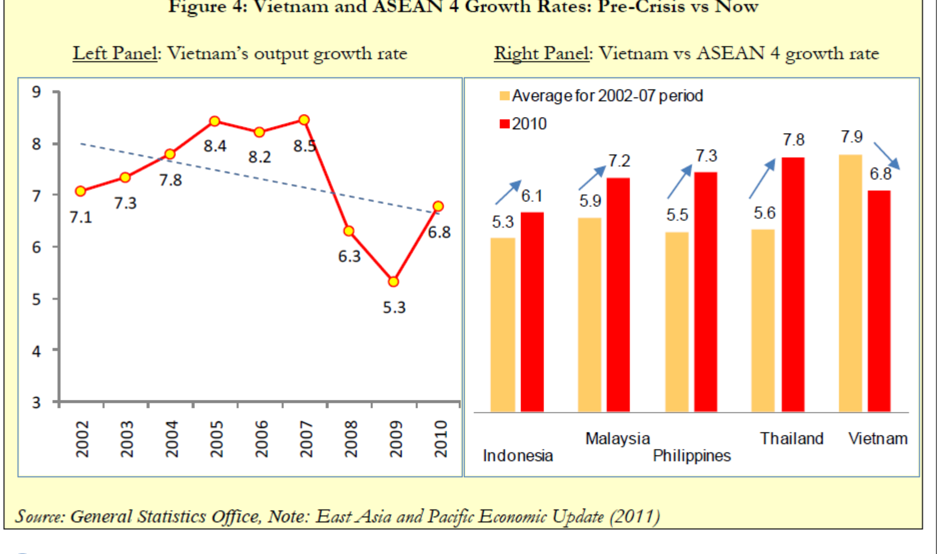

2

Figure 2: Growth and Inflation in selected Countries in East Asia and Pacific Region

Left Panel: Quarterly Real GDP growth rate (Y-o-Y) Right Panel: Monthly CPI inflation rate (Y-o-Y)

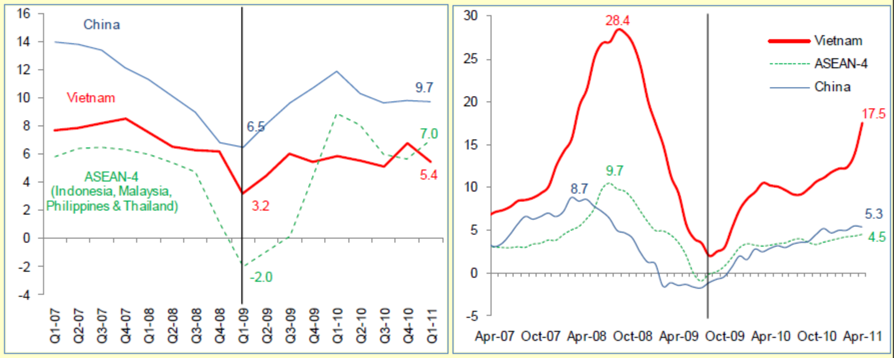

Source: East Asia and Pacific Economic Update (2011)

3

Figure 3: Movement of Nominal Exchange Rate (with respect to US dollar) and International Reserves in Selected Countries in East Asia and Pacific Region

Left Panel: Nominal exchange rate with US$ Right Panel: International reserves (in billion US$)

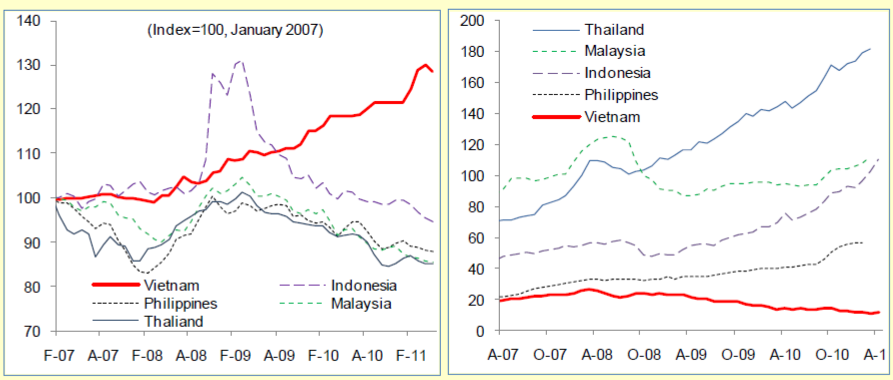

Source: East Asia and Pacific Economic Update (2011)

4

Figure 6: Drivers of Aggregate Demand

Left Panel: Share in aggregate demand (2005-2010) Right Panel: Contribution to aggregate demand, in % (2006-2010)

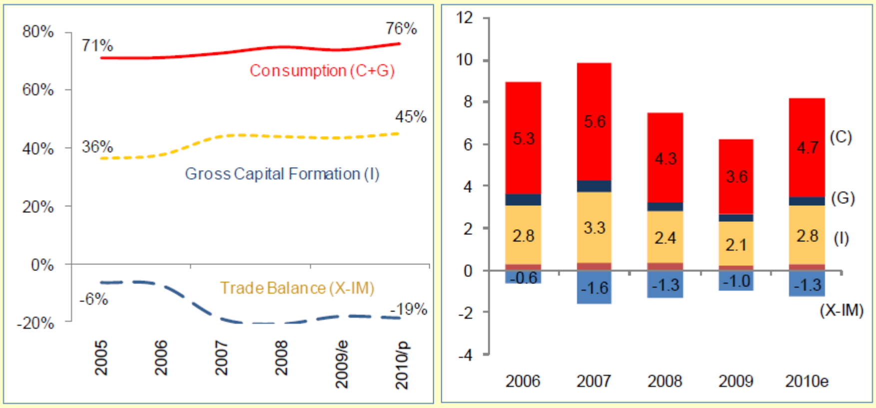

Source: General Statistics Office

5

Figure 8: Trend and Composition of Current and Capital Accounts in the Balance of Payments

Left Panel: Current Account Balance Right Panel: Capital Account Balance

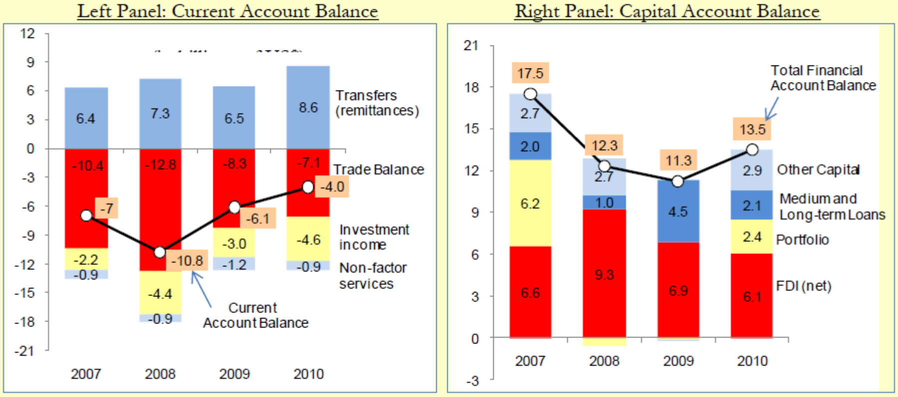

Source: General Statistics Office

6

Figure 9: Exchange rate and Interest rate movement

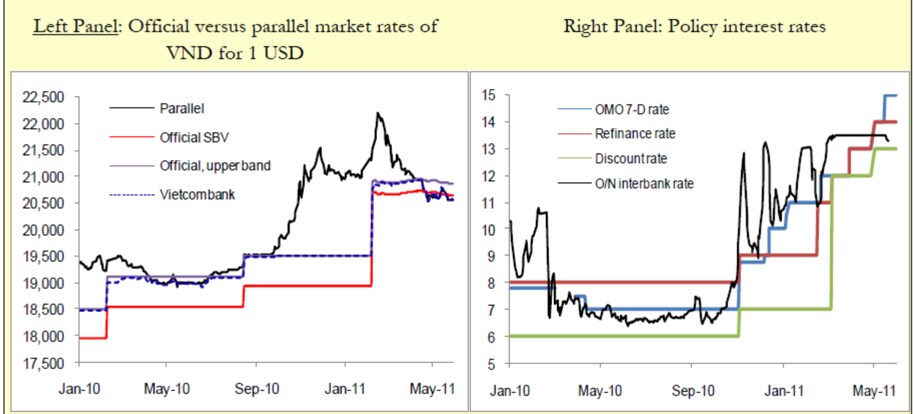

Source: SBV

7

Figure 1. Slowdown

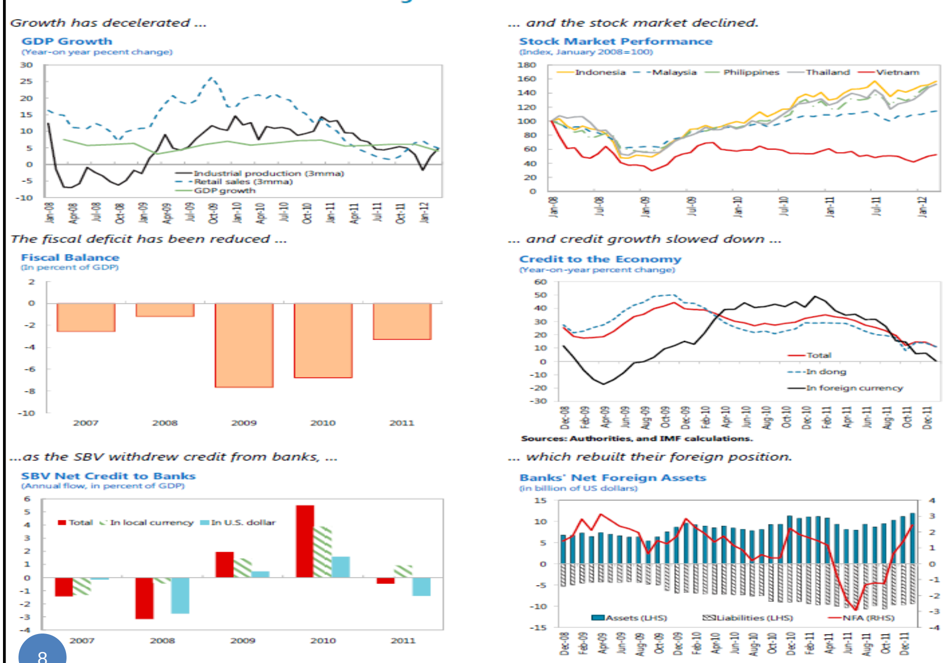

8

Sources: Authorities; Bloomberg LP; and IMF staff estimates.

Figure 2. Stabilization and Confidence Building

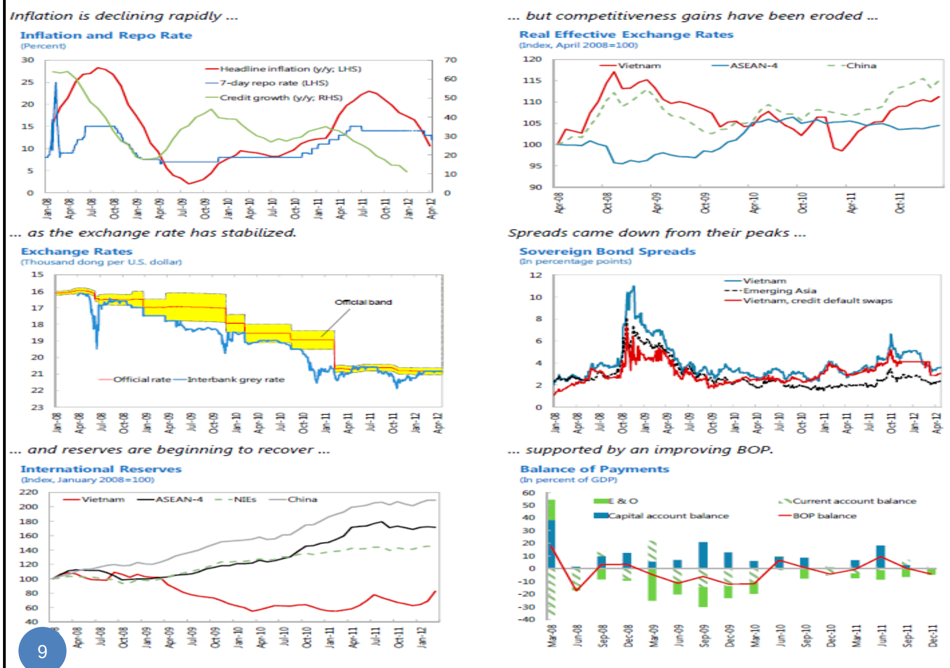

9

Sources: Authorities; Bloomberg LP; and IMF staff estimates

2013 tăng trưởng 5,5%, 'dìm' tăng giá xuống 8%

- Nghị quyết về kế hoạch phát triển KT-XH được QH thông qua (8/11) xác định mục tiêu 2013 là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn 2012.
- GDP tăng khoảng 5,5%, tăng CPI 8%, bội chi ngân sách không quá 4,8% GDP.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, tỷ lệ nhập siêu 8%.

  http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/95998/2013-tang-truong-5-5----dim--tang-gia-xuong-8-.html

10

Nội dung

1. Sản lượng quốc gia - tâm điểm KTH vĩ mô?
2. Sản lượng quốc gia - đo lường?
3. Mức giá chung và tỷ lệ lạm phát – đo lường?
4. Trao đổi sản lượng giữa các nước - ý nghĩa?
5. Của cải và sản lượng – yếu tố nào quan trọng hơn?

11

Sản lượng quốc gia - tâm điểm của kinh tế học vĩ mô

- A và B với 2 kịch bản cho vay 10 con bò (10%)
  - Kịch bản nào xảy ra trong đời thực?
- Sản phẩm và dịch vụ (Goods & Services)
- Mức sống
- Giá trị thực và danh nghĩa

12

Tài khoản quốc gia -The National Accounts

- Kết quả hoạt động kinh tế theo một bộ số liệu – Hạch toán sản xuất/thu nhập quốc dân.
- ***Dòng tiền*** – flows of money, giữa các bộ phận khác nhau của nền kinh tế.
  - Trữ lượng (Stock) và lưu lượng (Flow)?
  - Các bộ phận của nền kinh tế?
    - Các khu vực (G, H, F, ROW)
    - Các thị trường

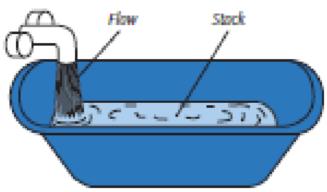

- A person's wealth is a stock; his income and expenditure are flows.
- The number of unemployed people is a stock; the number of people losing their jobs is a flow.
- The amount of capital in the economy is a stock; the amount of investment is a flow.
- The government debt is a stock; the government budget deficit is a flow.

13

"Stocks" và "Flows"

- Ví dụ về hồ nước
  - "Stocks": Trữ lượng/Tích lượng/Biến điểm
  - "Flows": Luồng/Lưu lượng/Biến kỳ
- Một số ví dụ liên quan đến khái niệm kinh tế:
  - Của cải và thu nhập
  - Trữ lượng vốn K và đầu tư mới I
  - …

14

Sơ đồ vòng chu chuyển – Các dòng tiền trong nền kinh tế

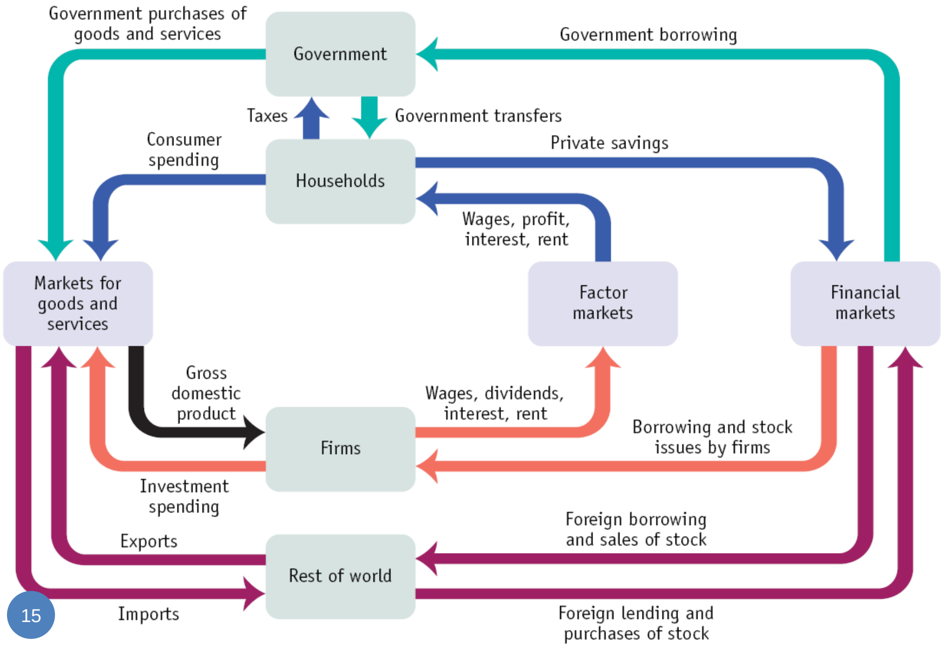

15

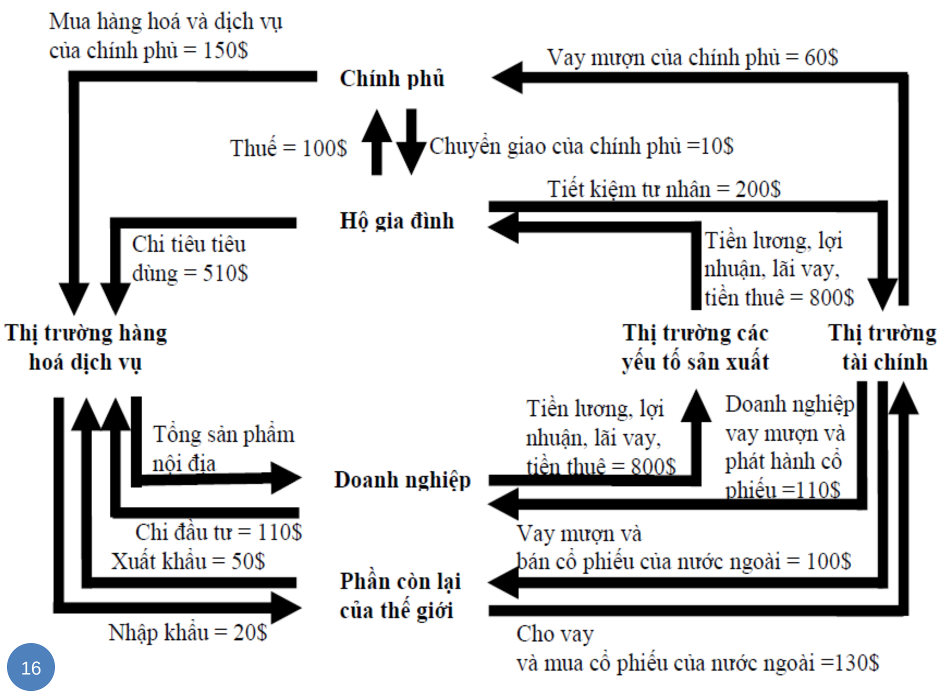

16

Mối quan hệ

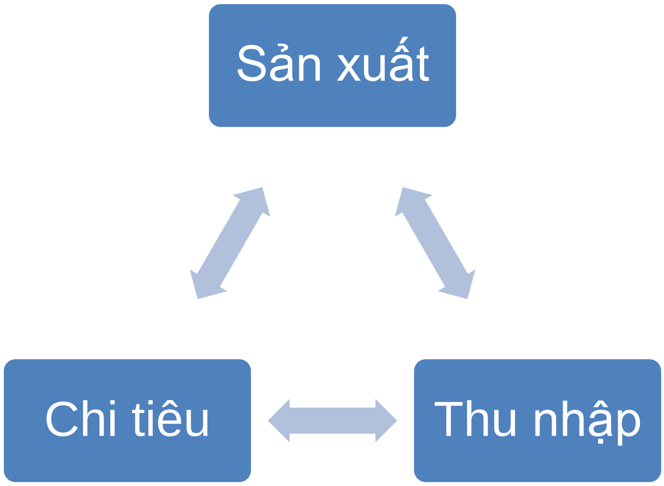

17

GDP và đo lường

- GDP (Gross Domestic Product)?
  - Giá trị thị trường của toàn bộ sản phẩm và dịch vụ *cuối cùng* được *sản xuất* ra trong *phạm vi* lãnh thổ một quốc gia trong khoảng *thời gian* nhất định (1 năm).
  - Công thức đơn giản

$$GDP = \sum_{i=1}^{n} V_i = \sum_{i=1}^{n} P_i \cdot Q_i$$

- Từ quan hệ: Sản xuất – Thu nhập – Chi tiêu, suy ra 3 phương pháp tính GDP:
  - Giá trị gia tăng
  - Thu nhập
  - Chi tiêu

18

Ba phương pháp tính GDP

- **Giá trị gia tăng:** Cộng giá trị gia tăng (***value added***) của tất cả các nhà sản xuất;
- **Thu nhập:** Cộng tất cả thu nhập trả cho các yếu tố sản xuất (Lương, lợi nhuận, lãi, tiền cho thuê…)
- **Chi tiêu:** Cộng tất cả chi tiêu vào HH&DV cuối cùng được sản xuất trong nước,
  - **GDP = C + I + G + EX - IM**

19

Ba phương pháp đo lường GDP

Total spending on domestically produced final goods and services = $21,500

	American Ore, Inc.	American Steel, Inc.	American Motors, Inc.	Total factor income
Value of sales	$4,200 (ore)	$9,000 (steel)	$21,500 (car)	
Intermediate goods	0	4,200 (iron ore)	9,000 (steel)	
Wages	2,000	3,700	10,000	$15,700
Interest payments	1,000	600	1,000	2,600
Rent	200	300	500	1,000
Profit	1,000	200	1,000	2,200
Total expenditure by firm	4,200	9,000	21,500	
Value added per firm = Value of sales − cost of intermediate goods	4,200	4,800	12,500	

Total payments to factors = $21,500

Sum of value added = $21,500

20

Đo lường GDP

Bao gồm

- HH&DV cuối cùng được sản xuất trong nước
- Bao gồm cả HH vốn (capital goods)
- Cơ sở hạ tầng xây dựng mới (New construction of structures)
- Thay đổi tồn kho (Changes to inventories)

Không bao gồm

- HH&DV trung gian hay nhập lượng (Intermediate goods and services/Inputs)
- Hàng đã qua sử dụng (Used goods)
- Tài sản tài chính (Financial assets: stocks, bonds ..)
- HH&DV sản xuất ở nước ngoài (Foreign-produced goods and services)
- Ngoài ra, các giao dịch không liên quan đến sản xuất HH&DV mới:
  - Chuyển nhượng và phúc lợi của chính phủ
  - Capital losses and gains

21

Các đo lường khác

- **GNP = GNI**
  - GNI = GDP + Thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài
  - Thu nhập yếu tố ròng từ nước ngoài = NFP hay NIA
- Các chữ viết tắt từ:
  - GNP: Gross National Product
  - GNI: Gross National Income
  - NFP: Net Factor Payments from abroad
  - NIA: Net Income from abroad

22

GDP theo phương pháp chi tiêu

TABLE 2-1

GDP and the Components of Expenditure: 2010

	Total (billions of dollars)	Per Person (dollars)
Gross Domestic Product	**14,527**	**47,050**
Consumption	**10,246**	**33,184**
Nondurable goods	2,302	7,454
Durable goods	1,086	3,516
Services	6,859	22,214
Investment	**1,795**	**5,814**
Nonresidential fixed investment	1,390	4,502
Residential fixed investment	338	1,095
Inventory investment	67	217
Government Purchases	**3,003**	**9,726**
Federal	1,223	3,961
Defense	819	2,653
Nondefense	404	1,307
State and Local	1,780	5,765
Net Exports	**−517**	**−1,674**
Exports	1,840	5,959
Imports	2,357	7,633

Source: U.S. Department of Commerce.

6. Tỷ trọng thành phần GDP theo phương pháp chi tiêu của Việt Nam được liệt kê ở bảng sau (nguồn: TCTK 2010 và 2011e)

	2005	2008	2009	2010 (sơ bộ)
TỔNG SỐ	100	100	100	100
Tổng tích lũy tài sản	35,58	39,1	38,13	38,88
Tổng tài sản cố định	32,87	34,61	34,52	35,56
Thay đổi tồn kho	2,71	5,10	3,61	3,32
Tiêu dùng cuối cùng	69,68	73,53	72,77	73,04
Nhà nước	6,15	6,12	6,30	6,53
Cá nhân	63,53	67,4	66,47	66,51
Xuất khẩu ròng hàng hóa và dịch vụ	- 4,18	- 15,21	- 10,35	- 10,05
Sai số	- 1,08	1,97	- 0,55	- 1,88

Nhận xét về quan hệ thu nhập và chi tiêu nội địa của Việt Nam?

GDP danh nghĩa và thực

- ***GDP thực (Real GDP)***: giá trị HH&DV cuối cùng sản xuất ra, căn cứ vào giá của năm cơ sở-base year.
- ***GDP danh nghĩa (Nominal GDP)***: dựa vào giá và lượng năm hiện hành.
- Ngoại trừ năm cơ sở, GDP thực không giống GDP danh nghĩa (theo giá hiện hành-current prices).
- ***GDP thực bình quân đầu người*** - Real ***GDP per capita:*** đo lường sản lượng bình quân đầu người.

Mức giá chung

- Mức giá chung hay chỉ số giá P (Price Index)
- Hai loại chỉ số giá thường dùng:
  - Chỉ số giá tiêu dùng CPI (***Consumer Price Index***) (loại chỉ số Laspeyres)
  - Chỉ số khử lạm phát GDP hay ***GDP deflator*** (loại chỉ số Paasche)

$$\text{GDP Deflator} = \frac{\text{Nominal GDP}}{\text{Real GDP}}.$$

25

CPI và GDP deflator – 3 khác biệt cơ bản

- CPI
  - Giá của HH&DV thiết yếu cơ bản
  - Dựa vào rổ hàng năm gốc
  - Bao gồm biến động giá của nhóm hàng nhập khẩu thuộc rổ hàng thiết yếu được chọn
- GDP deflator
  - Giá của toàn bộ HH&DV sản xuất ra trong GDP
  - Dựa vào rổ hàng năm hiện hành
  - Không bao gồm biến động giá của nhóm hàng nhập khẩu

26

Tỷ lệ lạm phát

- **Tỉ lệ lạm phát (Inflation Rate)** là phần trăm gia tăng mức giá chung (%ΔP)
- Phân biệt
  - Lạm phát (Inflation)
  - Giảm phát (Deflation)
  - Giảm lạm phát (Disinflation)
- Tỷ lệ lạm phát có thể tính từ
  - CPI
  - GDP deflator

27

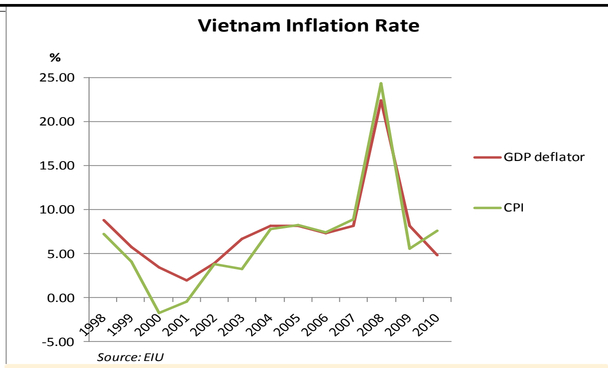

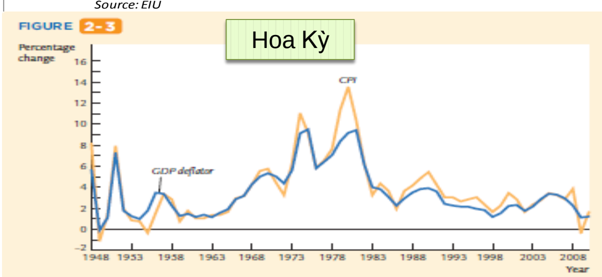

The GDP Deflator and the CPI This figure shows the percentage change in the GDP deflator and in the CPI for every year from 1948 to 2010. Although these two measures of prices diverge at times, they usually tell the same story about how quickly prices are rising. Both the CPI and the GDP deflator show that prices rose slowly in most of the 1950s and 1960s, that they rose much more quickly in the 1970s, and that they have risen slowly again since the mid-1980s.

Source: U.S. Department of Commerce, U.S. Department of Labor.

28

CPI Việt Nam (2006 – 2010)

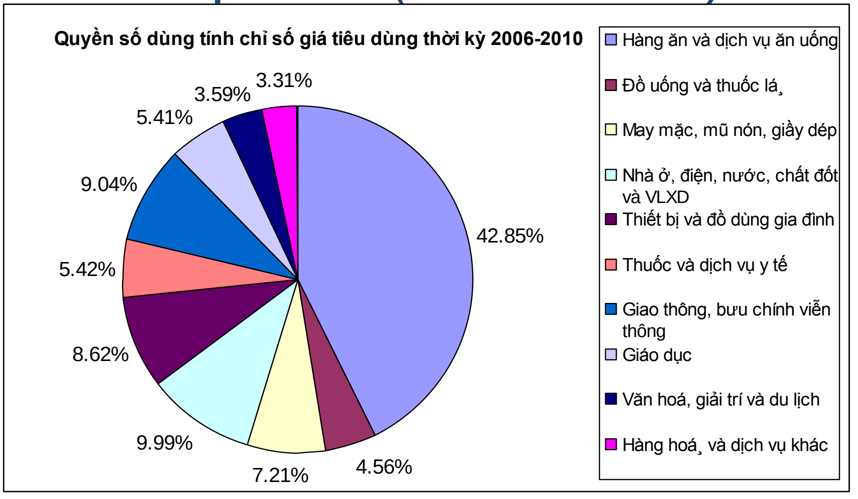

Nguồn: Tổng cục Thống kê, http://www.gso.gov.vn

Lạm phát

- Lạm phát tháng 8/2011:
  - CPI cả nước tăng 0,93%
  - So cuối 2010, tăng 15,68%
  - So cùng kỳ năm ngoái, tăng 23,02%

- Lạm phát năm 2011: 18,13%
- Chỉ tiêu 2012: lạm phát <= 10% (6,81%)
- Chỉ tiêu 2013: lạm phát <= 8% (?)

30

Thất nghiệp

Labor Force = Number of Employed + Number of Unemployed

and

$$\text{Unemployment Rate} = \frac{\text{Number of Unemployed}}{\text{Labor Force}} \times 100.$$

A related statistic is the **labor-force participation rate**, the percentage of the adult population that is in the labor force:

$$\text{Labor-Force Participation Rate} = \frac{\text{Labor Force}}{\text{Adult Population}} \times 100.$$

FIGURE 2-4

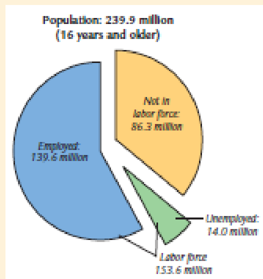

The Three Groups of the Population When the Bureau of Labor Statistics surveys the population, it places all adults into one of three categories: employed, unemployed, or not in the labor force. This figure shows the number of people in each category in August 2011.

Source: U.S. Department of Labor.

Figure 2-4 shows the breakdown of the population into the three categories for August 2011. The statistics broke down as follows:

Labor Force = 139.6 + 14.0 = 153.6 million.

Unemployment Rate = (14.0/153.6) × 100 = 9.1%.

Labor-Force Participation Rate = (153.6/239.9) × 100 = 64.0%.

31

Thất nghiệp ở Việt Nam

Hình 5.2. Tỉ lệ thất nghiệp, 2006-2011

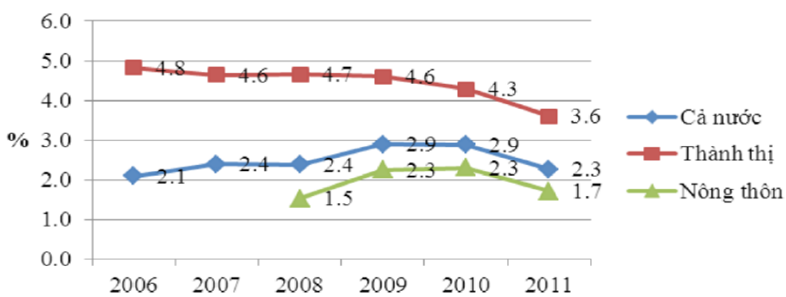

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2011.

32

Khu vực sản xuất

Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

- GDP = C + I + G + EX – IM

Tổng thu nhập quốc dân (GNP hay GNI)

- GNI = GDP + NFP
- NFP: Net Factor Payments from Abroad

Tổng thu nhập khả dụng quốc gia (GNDI)

- GNDI = GNI + NTR
- NTR: Net Transfers from abroad

Tổng chi tiêu trong nước (Domestic Absorption)

- A = C + I + G

Cán cân vãng lai (Current Account)

- CA = EX – IM + NFP + NTR

Cán cân thương mại (Trade Balance, Net Exports)

- TB = NX = EX – IM

33

Khu vực sản xuất

- Đặt Y = GDP = C + I + G + EX – IM (1)
- Và (Y – T) = C + Sp => Y = C + Sp + T (2)

(1) và (2) =>

- (I + G + EX) = (Sp + T + IM)
- (Sp – I) + (T – G) = (EX – IM)
- I = Sp + (T – G) + (IM – EX) = Sp + Sg + Sf

Đến đây ta cũng có ít nhất 3 cách viết về TB (hay NX), đó là gì? Và ý nghĩa kinh tế?

34

Trao đổi sản lượng giữa các quốc gia - ý nghĩa kinh tế

- Nền kinh tế mở:
  - Thu nhập Y = C + I + G + EX – IM
  - Chi tiêu nội địa A = C + I + G
- Ví dụ:
  - Thu nhập < Chi tiêu => ?
  - Tài trợ?
  - Tài trợ ngắn hạn và dài hạn?
  - Thu nhập < Chi tiêu => luôn luôn xấu?
    - Một cách hỏi khác: thâm hụt CA hay TB là luôn xấu?

35

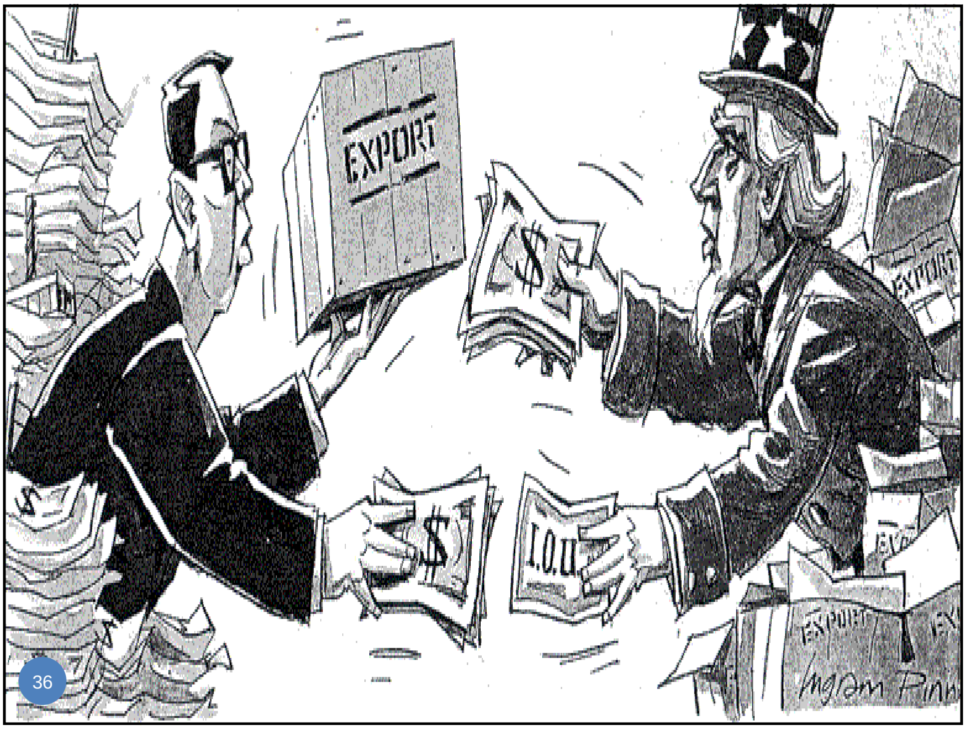

36

37

ACQUISITIONS BY CHINESE OIL AND GAS COMPANIES

Table 1

Date	Company	Acquisitions, interest	Value, billion $
2009	CNPC, PetroChina	Buying 60% Athabasca Oil Sands Corp.'s Mackay River, Dover projects	1.9
2009	CNPC, KazMunaiGaz	Buying 50% MangistauMunaiGaz in Kazakhstan	3.3
2009	CNPC, PetroChina	Bought 96% of Singapore Petroleum Co.	2.0
2009	Sinopec	Bought 100% of Addax Petroleum Corp. of Calgary	7.2
2009	CNOOC, Sinopec	Bought 20% of Angola's Block 32 from Marathon Oil	1.3
2009	Sinochem	Bought 100% of Emerald Energy PLC to obtain assets in Syria, Colombia	0.878
2008	Sinopec	Bought 100% of Tanganyika Oil to obtain assets in Syria	1.8
2008	CNOOC	Bought 100% of Awilco Offshore ASA	2.5
2008	Sinopec	Bought 60% of AED Oil Ltd. for assets in Australia	0.561

Source: FACTS Global Energy

38

Của cải và sản lượng – yếu tố nào quan trọng hơn?

- Của cải = Tiền + Tài sản khác
- Sản lượng = Sản phẩm và dịch vụ
- Giá tài sản (tài chính+BĐS) và Hiệu ứng của cải?
- Vay và cho vay: Mong muốn gì?
  - Cá nhân
  - Quốc gia
- Kết luận: Sản lượng!

39

GDP

"Tổng sản phẩm nội địa không tính đến sức khỏe của con cái chúng ta, chất lượng giáo dục mà chúng nhận được, hay niềm vui của chúng khi vui chơi. Nó không bao gồm vẻ đẹp của thơ ca hay sự bền vững của các cuộc hôn nhân, sự thông minh trong những cuộc tranh luận công khai hay sự liêm chính của các quan chức. Nó không đo lường lòng can đảm và sự thông thái của chúng ta, mà cũng không đo lường sự cống hiến của chúng ta cho đất nước. Nói một cách ngắn gọn, nó đo lường tất cả mọi thứ, ngoại trừ những thứ làm cho cuộc sống đáng giá hơn, và nó có thể cho chúng ta biết tất cả mọi thứ về nước Mỹ ngoại trừ lý do tại sao chúng ta lại tự hào rằng mình là người Mỹ".

Robert Kennedy

40